

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 37/2024/DS – ST

Ngày: 05/9/2024

V/v: Tc Hợp đồng mua bán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Xuân Đạm

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2024/TLST- DSST ngày 11 tháng 3 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39A/2024/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số 30, HB, phường DB, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở: Ấp HT, xã LH, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HT, xã LH, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Từ tháng 8/2017 đến tháng 02/2018, ông Lê Văn T có bán cho bà Nguyễn Thị M phân bón thuốc bảo vệ thực vật tổng số tiền là 60.915.000đ (sáu mươi triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng). Bà M đã trả nhiều lần tổng cộng là 34.940.000đ, còn nợ 25.975.000đ (hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Ngày 21/01/2020 có làm biên nhận hẹn ngày 23/01/2020 sẽ trả nhưng từ đó đến nay bà M không trả. Ông T đòi nợ nhiều lần nhưng bà M không trả. Nay ông T yêu cầu bà M trả số tiền 25.975.000đ (hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Trước đây vào thời gian nào không nhớ, bà M có mua của ông T phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Sau khi chót nợ có làm giấy biên nhận hẹn ngày 23/01/2020 sẽ trả 25.975.000đ. Sau khi viết giấy khoảng mấy ngày sau có nhờ một người tên hai Kim mang số tiền 20.000.000đ trả cho ông T. Chỉ còn nợ

5.975.000đ. Nay bà M không đồng ý trả cho ông T số tiền 25.975.000đ (hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Chỉ đồng ý trả 5.975.000đ (năm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T:

Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho ông Lê Văn T số tiền 25.975.000đ (hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Về án phí: Đương sự chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Văn T có đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu bà M phải trả cho ông T số tiền 25.975.000đ (hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) còn nợ trong việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Do đó, xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Tranh chấp giữa ông T và bà M là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M cư trú tại xã LH, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc buộc bà Nguyễn Thị M trả số tiền 25.975.000đ (hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên hòa giải ngày 23/7/2024 bà M thừa nhận có mua của ông T phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Năm 2020 chốt nợ có làm giấy biên nhận hẹn 23/01/2020 sẽ trả 25.975.000đ. Sau khi viết giấy khoảng mấy ngày sau có nhờ một người tên H K mang số tiền 20.000.000đ trả cho ông T. Nay chỉ còn nợ ông T 5.975.000. Tuy nhiên, ông T không thừa nhận có nhận số tiền 20.000.000đ của bà M do ông K trả. Ông T cho rằng không biết ông H K là ai.

Xét lời khai bà M thấy rằng: Tòa án yêu cầu bà M cung cấp họ tên địa chỉ của ông K để Tòa án làm việc nhưng bà M không cung cấp, Tòa án không làm việc được với ông K. Khi trả số tiền 20.000.000đ cho ông T cũng không có giấy tờ xác nhận việc trả tiền. Bà M cũng không có gì chứng minh, nên không có căn cứ cho rằng bà M trả 20.000.000đ cho ông T. Do đó cần buộc bà M trả cho ông T số tiền 25.975.000đ (hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Như vậy, bà M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T;

Buộc bà Nguyễn Thị M trả cho ông Lê Văn T số tiền 25.975.000đ (hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà M phải chịu 1.298.000đ (một triệu hai trăm chín mươi tám ngàn đồng).

Ông T không phải chịu. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Ninh hoàn lại cho ông T số tiền 649.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006113 ngày 11 tháng 3 năm 2024.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kiều Chinh